



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2026**

Dà Nẵng, tháng 4 năm 2026



Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
			(31/03/2026)	(01/01/2026)
Đã trình bày/ phân loại lại				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)		100	2.550.753.592.477	2.649.547.185.295
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		110	V.1 76.387.387.632	375.392.748.946
1 . Tiền		111	76.387.387.632	28.761.748.946
2 . Các khoản tương đương tiền		112	-	346.631.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		120	V.2 1.103.394.542.008	771.138.175.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		123	1.103.394.542.008	771.138.175.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		130	619.471.101.335	640.519.310.097
1 . Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3 538.961.669.837	606.616.113.406
2 . Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	48.612.111.677	7.847.924.726
3 . Phải thu ngắn hạn khác		135	V.4 31.897.319.821	26.055.271.965
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		140	660.276.669.480	783.841.832.956
1 . Hàng tồn kho		141	V.5 661.927.336.454	785.603.104.889
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		142	(1.650.666.974)	(1.761.271.933)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		160	91.223.892.022	78.655.118.296
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		161	V.9 10.306.055.942	9.310.237.630
2 . Thuế GTGT được khấu trừ		162	V.13 77.661.586.685	47.441.891.566
3 . Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		163	V.13 3.256.249.395	790.167.703
4 . Tài sản ngắn hạn khác		165	V.10 -	21.112.821.397

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
			(31/03/2026)	(01/01/2026)
				Đã trình bày/ phân loại lại
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>959.854.107.422</b>	<b>926.496.558.515</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>623.465.192</b>	<b>623.465.192</b>
1 . Phải thu dài hạn khác	215	V.4	623.465.192	623.465.192
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>587.802.282.341</b>	<b>530.592.102.895</b>
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	586.564.392.259	529.160.701.845
- Nguyên giá	222		1.863.475.798.507	1.782.300.440.331
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.276.911.406.248)	(1.253.139.738.486)
2 . Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.237.890.082	1.431.401.050
- Nguyên giá	228		12.975.673.106	12.975.673.106
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11.737.783.024)	(11.544.272.056)
<b>V. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>144.606.975.922</b>	<b>182.015.850.120</b>
1 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.8	144.606.975.922	182.015.850.120
<b>VI. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>260</b>	V.2	<b>191.341.341.218</b>	<b>176.861.341.218</b>
1 . Đầu tư vào công ty con	261		92.748.900.000	92.748.900.000
2 . Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		10.428.000.000	10.428.000.000
3 . Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		6.900.000.000	6.900.000.000
4 . Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(8.233.558.782)	(8.233.558.782)
5 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	V.2	89.498.000.000	75.018.000.000
<b>VII Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>35.480.042.749</b>	<b>36.403.799.090</b>
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.9	35.480.042.749	35.005.209.479
2 . Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	1.398.589.611
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200 )	<b>280</b>		<b>3.510.607.699.899</b>	<b>3.576.043.743.810</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	SỐ CUỐI KỲ (31/03/2026)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2026)
				Đã trình bày/ phân loại lại
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>2.424.763.294.759</b>	<b>2.550.723.898.365</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.118.052.110.372</b>	<b>2.258.992.235.927</b>
1 . Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	197.948.929.050	263.582.297.643
2 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.223.654.333	7.534.450.184
3 . Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.12	2.062.587.600	91.791.140.100
4 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	15.876.923.467	24.669.714.364
5 . Phải trả người lao động	315		390.288.533.589	427.219.422.751
6 . Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	9.798.278.717	6.202.483.466
7 . Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.16	1.201.382.020	108.886.990
8 . Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	26.687.677.651	23.943.145.236
9 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.17	1.392.322.570.344	1.320.739.677.203
10 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	78.641.573.601	93.201.017.990
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>306.711.184.387</b>	<b>291.731.662.438</b>
1 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.17	306.549.200.480	291.731.662.438
2 . Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		161.983.907	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>		<b>1.085.844.405.140</b>	<b>1.025.319.845.445</b>
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	360.027.080.000	360.027.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		360.027.080.000	360.027.080.000
2 . Quỹ đầu tư phát triển	418		250.148.011.222	250.148.011.222
3 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		475.669.313.918	415.144.754.223
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		415.144.754.223	200.006.728.242
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		60.524.559.695	215.138.025.981
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.510.607.699.899</b>	<b>3.576.043.743.810</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thị Tường Long

Nguyễn Ngọc Bình

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

**Mẫu B 02 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

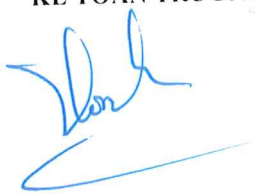
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2026	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.259.996.247.284	1.215.657.853.533	1.259.996.247.284	1.215.657.853.533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		15.933.274	37.841.393	15.933.274	37.841.393
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.259.980.314.010	1.215.620.012.140	1.259.980.314.010	1.215.620.012.140
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.134.406.593.723	1.101.826.197.644	1.134.406.593.723	1.101.826.197.644
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		125.573.720.287	113.793.814.496	125.573.720.287	113.793.814.496
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.3	32.784.294.246	22.060.443.383	32.784.294.246	22.060.443.383
7. Chi phí tài chính	23	VI.4	24.469.444.598	13.573.905.930	24.469.444.598	13.573.905.930
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		20.403.265.603	9.455.255.401	20.403.265.603	9.455.255.401
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	19.443.578.737	17.070.216.343	19.443.578.737	17.070.216.343
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	46.271.828.167	44.009.048.387	46.271.828.167	44.009.048.387
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		68.173.163.031	61.201.087.219	68.173.163.031	61.201.087.219
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.457.597.049	2.742.277.982	3.457.597.049	2.742.277.982
12. Chi phí khác	32	VI.8	569.728.400	647.811.683	569.728.400	647.811.683
13. Lợi nhuận khác 40 = (31 - 32 + 33)	40		2.887.868.649	2.094.466.299	2.887.868.649	2.094.466.299
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		71.061.031.680	63.295.553.518	71.061.031.680	63.295.553.518
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		8.975.898.467	10.282.244.163	8.975.898.467	10.282.244.163
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.560.573.518	1.723.197.944	1.560.573.518	1.723.197.944
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50-51-52)	60		60.524.559.695	51.290.111.411	60.524.559.695	51.290.111.411

**NGƯỜI LẬP BIỂU**



Nguyễn Thị Thùy Linh

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



Nguyễn Thị Tường Long

Dà Nẵng, ngày 23 tháng 04 năm 2026



Nguyễn Ngọc Bình

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2026 đến 31/03/2026</b>	<b>Kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>71.061.031.680</b>	<b>63.295.553.518</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		29.076.440.820	28.875.358.498
- Các khoản dự phòng	03		(110.604.959)	(1.011.101.462)
- Lỗ/ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(2.826.687.576)	1.048.798.307
- Lỗ/ (Lãi) từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(19.442.802.810)	(5.502.265.797)
- Chi phí lãi vay	06		20.403.265.603	9.455.255.401
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động ( 08 = 01 + 02 + 03 + 04 + 05 + 06 + 07 )</b>	<b>08</b>		<b>98.160.642.758</b>	<b>96.161.598.465</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.594.924.109	(92.575.585.348)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		123.675.768.435	138.102.458.028
- Tăng, giảm các khoản phải trả( không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(86.074.506.265)	(30.492.670.797)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.470.651.582)	(1.418.381.743)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(20.218.564.059)	(9.398.325.305)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(17.585.837.980)	(23.513.820.238)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		140.000.000	300.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(14.699.414.389)	(6.710.111.046)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>103.522.331.027</b>	<b>70.455.162.016</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ tài chính từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Kỳ tài chính từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(64.902.114.026)	(31.149.873.108)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		23.359.409	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(578.113.082.008)	(77.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		231.376.715.000	84.732.715.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, và lợi nhuận được chia	27		10.560.710.965	5.499.388.594
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(401.054.410.660)</b>	<b>(18.417.769.514)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ di vay	33		1.089.818.047.421	973.583.120.369
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.002.624.349.102)	(972.490.817.450)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(88.666.980.000)	(106.428.594.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.473.281.681)</b>	<b>(105.336.291.081)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(299.005.361.314)</b>	<b>(53.298.898.579)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		375.392.748.946	454.019.286.437
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	76.387.387.632	400.720.387.858

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thùy Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long



Nguyễn Ngọc Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**1. Đặc điểm hoạt động:**

**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“ Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, trong đó Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ 61,87% vốn.

**2. Lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm sợi, may mặc

**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi, chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.
- Sản xuất, buôn bán các sản phẩm cơ khí.
- Cho thuê tài sản cố định và máy móc thiết bị.
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, siêu thị, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Gia công kết cấu khung nhà thép các loại, gia công chế tạo, lắp đặt hệ thống thông gió, hệ thống áp lực các loại.

**4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp:**

Số liệu báo cáo tài chính riêng được trình bày trên đây đã được tổng hợp số liệu của các đơn vị trực thuộc toàn Tổng công ty, bao gồm:

- Nhà máy may Hòa Thọ 1
- Nhà máy may Hòa Thọ Veston
- Công ty may Hòa Thọ Điện Bàn
- Công ty may Hòa Thọ Đông Hà
- Nhà máy may Hòa Thọ Quảng Ngãi
- Nhà máy may Hòa Thọ Triệu Phong
- Nhà máy may Quế Sơn
- Trung tâm Kinh doanh Thời trang Hòa Thọ
- Trung Tâm Thương Mại Hòa Thọ.
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 1
- Nhà máy Sợi Hòa Thọ 2
- Văn Phòng Tổng công ty

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026, Tổng công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết.

**6. Số lượng lao động:**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Tổng công ty có 8.986 nhân viên(1/1/2026: 8.918 nhân viên )

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:**

Do có sự thay đổi trong chế độ kế toán doanh nghiệp, một số chỉ tiêu có sự thay đổi giữa thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính sẽ bị thay đổi và trình bày lại:

	<b>Số đầu năm sau điều chỉnh 01/01/2026</b>	<b>Số đầu năm trước điều chỉnh 01/01/2026</b>
-		
<b>* Chỉ tiêu trên Báo cáo tình hình tài chính:</b>		
- Tiền	28.761.748.946	49.874.570.343
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	771.138.175.000	768.795.315.000
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.342.860.000
- Tài sản ngắn hạn khác	21.112.821.397	-
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>3.576.043.743.810</b>	<b>3.576.043.743.810</b>
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận	91.791.140.100	-
- Phải trả ngắn hạn khác	23.943.145.236	115.734.285.336
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>3.576.043.743.810</b>	<b>3.576.043.743.810</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

**1. Kỳ kế toán năm:**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2. Đơn vị tiền tệ kế toán:**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này.

**III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:**

**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Tổng công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài Chính. Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài Chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam:**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**IV. Các Chính sách kế toán áp dụng:**

**1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền:**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, ít rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền và được nắm giữ nhằm đáp ứng các nhu cầu chi tiêu ngắn hạn của doanh nghiệp.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư:**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất.

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất đầu tư được lập khi có bằng chứng về suy giảm giá trị khoản đầu tư, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi các yếu tố suy giảm không còn. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Dự phòng phải thu khó đòi được lập khi có những bằng chứng xác định là các khoản nợ phải thu không chắc chắn thu được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để đưa hàng tồn kho đến địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính để tiêu thụ. Việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

**5. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định:**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định, thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	10 – 25 năm.
- Máy móc và thiết bị:	5 – 15 năm.
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn:	5 – 10 năm.
- Thiết bị, dụng cụ quản lý:	3 – 5 năm.
- Tài sản khác:	2 – 5 năm.
- Phần mềm máy tính:	3 – 5 năm.

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ dài hạn:**

Chi phí chờ phân bổ dài hạn phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ dài hạn là công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 10 năm.

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải người bán và các khoản phải trả khác:**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

**8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính:**

\* Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có các yếu tố không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi lại các khoản thu, chỉ có liên quan hoặc hàng hóa có thể bị trả lại.

\* Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành dịch vụ vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

\* Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ khi giao dịch đó.

**9. Chính sách thuế và các lệ phí nộp ngân sách Nhà nước mà Tổng Công ty đang thực hiện:**

- Thuế giá trị gia tăng, áp dụng mức:
  - Thuế suất 0%: áp dụng cho gia công hàng may mặc xuất khẩu, sợi xuất khẩu
  - Thuế suất 5%: áp dụng cho việc bán bông phế.
  - Thuế suất 8%: áp dụng cho các hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025.
  - Thuế suất 10%: áp dụng cho việc bán phế liệu ngành may, xơ phế; các loại sản phẩm, hàng hóa, nguyên vật liệu.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất hiện hành 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo Tình hình tài chính:**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền:**

	<i>Đơn vị tính: Đồng Việt Nam</i>	
	31/03/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	76.479.516	95.875.000
Tiền gửi không kỳ hạn	76.310.908.116	28.665.873.946
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	9.126.457.176	15.843.415.824
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam	59.132.015.790	377.765.096
- Ngân hàng TMCP Á Châu	1.512.808.183	3.070.065.764
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	1.206.876.434	7.917.423.424
- Khác	5.332.750.533	1.457.203.838
Tương đương tiền	-	346.631.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	289.923.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	-	56.708.000.000
<b>Cộng</b>	<b>76.387.387.632</b>	<b>375.392.748.946</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính:**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

\* Tiền gửi có kì hạn

	31/03/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Ngắn hạn	1.101.637.397.008	1.101.637.397.008	-	768.795.315.000	768.795.315.000	-
- Dài hạn						
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	89.498.000.000	89.498.000.000	-	75.018.000.000	75.018.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.191.135.397.008</b>	<b>1.191.135.397.008</b>	<b>-</b>	<b>843.813.315.000</b>	<b>843.813.315.000</b>	<b>-</b>

\* Cho Vay

	31/03/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
- Ngắn hạn						
- Công ty Cổ Phần May Hòa Thọ Phú Ninh	1.757.145.000	1.757.145.000	-	2.342.860.000	2.342.860.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.757.145.000</b>	<b>1.757.145.000</b>	<b>-</b>	<b>2.342.860.000</b>	<b>2.342.860.000</b>	<b>-</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	31/03/2026			01/01/2026		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị dự phòng
<b>* Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty CP Thời trang – Hòa thọ	775.863	2.667.900.000	-	775.863	2.667.900.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	541.800	5.418.000.000	-	541.800	5.418.000.000	-
Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	817.300	8.173.000.000	-	817.300	8.173.000.000	-
Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình	7.449.000	74.490.000.000	-	7.449.000	74.490.000.000	-
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ		2.000.000.000	-		2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>92.748.900.000</b>	<b>-</b>		<b>92.748.900.000</b>	<b>-</b>
<b>* Đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết</b>						
Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	400.000	4.000.000.000	(1.933.558.782)	400.000	4.000.000.000	(1.933.558.782)
Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	642.800	6.428.000.000	-	642.800	6.428.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>10.428.000.000</b>	<b>(1.933.558.782)</b>		<b>10.428.000.000</b>	<b>(1.933.558.782)</b>
<b>* Đầu tư vào đơn vị khác</b>						
Công ty CP bao bì Hòa thọ Quảng Đà	60.000	600.000.000	-	60.000	600.000.000	-
Công ty CP Thương mại Dệt may TP HCM	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	6.300.000.000	(6.300.000.000)
<b>Cộng</b>		<b>6.900.000.000</b>	<b>(6.300.000.000)</b>		<b>6.900.000.000</b>	<b>(6.300.000.000)</b>

Tổng công ty chưa xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**c) Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>
<b>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.475.066.958	3.183.824.380
Mua hàng hóa và dịch vụ	472.301.114	2.629.550.368
<b>Công ty CP May Hòa Thọ Hội An</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	421.563.202	422.842.027
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.398.856.158	10.926.188.928
<b>Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	516.354.818	504.136.265
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.154.662.015	17.101.230.577
<b>Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	80.489.185	71.718.665
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.924.291.655	1.572.845.786
<b>Công ty CP Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	36.227.232	20.006.863.094
<b>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.584.514.939	7.097.034.704
<b>Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	202.189.563	119.285.966
Mua hàng hóa và dịch vụ		3.402.594.000
<b>Công ty CP may Hòa Thọ Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	484.154.671	517.704.240
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.617.192.927	16.114.784.340

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng:**

**a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn :**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>MOTIVES INTERNATIONAL (HONG KONG) LIMITED</i>	129.722.054.314	-	163.007.372.409	-
<i>HAGGAR CLOTHING CO.</i>	93.232.149.805	-	114.529.023.052	-
<i>Các khách hàng khác</i>	316.007.465.718	-	329.079.717.945	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>538.961.669.837</b>	<b>-</b>	<b>606.616.113.406</b>	<b>-</b>

**b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	55.260.546	-	91.677.125	-
<i>Công ty CP Thời Trang Hòa Thọ</i>	1.587.401.438	-	295.318.891	-
<i>Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam</i>	125.444.727	-	68.334.105	-
<i>Công ty Cp Sợi Hòa Thọ Thăng Bình</i>	4.444.799.117	-	20.432.181.117	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.212.905.828</b>	<b>-</b>	<b>20.887.511.238</b>	<b>-</b>

**4. Các khoản phải thu:**

**a, Phải thu ngắn hạn khác:**

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
CBCNV tạm ứng	1.504.739.568	-	1.900.447.253	-
Ký cược, ký quỹ	6.640.056.772	-	6.631.114.756	-
Các khoản chi hộ	919.535.676	-	760.336.170	-
Lãi tiết kiệm dự thu	18.720.508.488	-	10.665.744.910	-
Phải thu khác	4.112.479.317	-	6.097.628.876	-
<b>Cộng</b>	<b>31.897.319.821</b>	<b>-</b>	<b>26.055.271.965</b>	<b>-</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

b, Phải thu dài hạn khác:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
- Đặt cọc tiền thuê mặt bằng	623.465.192	-	623.465.192	-
<b>Cộng</b>	<b>623.465.192</b>	<b>-</b>	<b>623.465.192</b>	<b>-</b>

5. Hàng tồn kho:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	119.739.788	-	91.496.658.910	-
Nguyên liệu, vật liệu	244.657.909.210	-	234.039.028.578	-
Công cụ dụng cụ	960.166.305	-	1.029.190.777	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	391.884.430.388	(1.315.637.970)	379.922.574.018	(1.315.637.970)
Sản phẩm	16.251.775.067	(81.431.039)	19.718.065.298	(104.285.925)
Hàng hóa	2.324.844.888	(1.685.183)	2.611.650.884	(4.333.328)
Hàng gửi đi bán	5.728.470.808	(251.912.782)	56.785.936.424	(337.014.710)
<b>Cộng</b>	<b>661.927.336.454</b>	<b>(1.650.666.974)</b>	<b>785.603.104.889</b>	<b>(1.761.271.933)</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

6. Tài sản cố định hữu hình:

Chỉ tiêu	Nhóm	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>								
Số dư tại ngày 01/01/2026		437.033.329.285	1.090.826.147.723	138.436.857.772	14.207.679.547	863.908.363	100.932.517.641	1.782.300.440.331
Số Tăng trong kỳ		1.204.362.523	80.437.184.750	3.820.270.000	689.923.345	-	134.879.648	86.286.620.266
- Mua sắm mới		1.094.177.337	3.465.001.000	2.550.600.000	676.517.820	-	134.879.648	7.921.175.805
- Đầu tư XDCB hoàn thành		110.185.186	76.972.183.750	1.269.670.000	13.405.525	-	-	78.365.444.461
Số Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-	5.111.262.090	5.111.262.090
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-	5.111.262.090	5.111.262.090
Số dư tại ngày 31/03/2026		438.237.691.808	1.171.263.332.473	142.257.127.772	14.897.602.892	863.908.363	95.956.135.199	1.863.475.798.507
<b>Giá trị đã hao mòn</b>								
Số dư tại ngày 01/01/2026		222.134.646.386	858.603.385.796	72.715.736.186	9.074.469.862	568.024.833	90.043.475.423	1.253.139.738.486
Số khấu hao tăng trong kỳ		5.291.190.320	19.160.680.782	3.283.613.858	287.526.721	28.415.251	831.502.920	28.882.929.852
- Tăng do khấu hao trong kỳ		5.291.190.320	19.160.680.782	3.283.613.858	287.526.721	28.415.251	831.502.920	28.882.929.852
Số khấu hao giảm trong kỳ		-	-	-	-	-	5.111.262.090	5.111.262.090
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-	5.111.262.090	5.111.262.090
Số dư tại ngày 31/03/2026		227.425.836.706	877.764.066.578	75.999.350.044	9.361.996.583	596.440.084	85.763.716.253	1.276.911.406.248
<b>Giá trị còn lại</b>								
Số dư tại ngày 01/01/2026		214.898.682.899	232.222.761.927	65.721.121.586	5.133.209.685	295.883.530	10.889.042.218	529.160.701.845
Số dư tại ngày 31/03/2026		210.811.855.102	293.499.265.895	66.257.777.728	5.535.606.309	267.468.279	10.192.418.946	586.564.392.259

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 775.357 triệu VNĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**7. Tài sản cố định vô hình:**

	<b>Phần mềm</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2026	12.975.673.106
Tăng trong kỳ	-
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2026	12.975.673.106
<b>Khấu hao</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2026	11.544.272.056
Tăng trong kỳ	193.510.968
Giảm trong kỳ	-
Số dư tại ngày 31/03/2026	11.737.783.024
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư tại ngày 01/01/2026	1.431.401.050
Số dư tại ngày 31/03/2026	1.237.890.082

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 10.288 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:**

	<b>31/03/2026</b>	<b>01/01/2026</b>
+ Hệ thống điện Năng lượng mặt trời	34.663.875.379	25.060.684.723
+ Đầu tư cải tạo tổng thể và bổ sung thiết bị NM sợi 2 - GD1	-	75.479.595.839
+ Đầu tư cải tạo tổng thể và bổ sung thiết bị NM sợi 2 - GD2	78.429.509.702	60.314.280.973
+ Đầu tư cải tạo Công Ty May Điện Bàn	20.227.563.303	14.170.647.555
+ Các công trình khác	11.286.027.538	6.990.641.030
<b>Cộng</b>	<b>144.606.975.922</b>	<b>182.015.850.120</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**9. Chi phí chờ phân bổ:**

	31/03/2026	01/01/2026
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	10.306.055.942	9.310.237.630
<b>b. Dài hạn:</b>		
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	35.480.042.749	35.005.209.479
<b>Cộng</b>	<b>45.786.098.691</b>	<b>44.315.447.109</b>

**10. Tài sản ngắn hạn khác:**

	31/03/2026	01/01/2026
- Tiền phong tỏa	-	21.112.821.397
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>21.112.821.397</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn:**

\* Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/03/2026	01/01/2026
HULTAFORS GROUP AB	19.590.276.804	32.338.943.491
Các nhà cung cấp khác	178.358.652.246	231.243.354.152
<b>Tổng cộng</b>	<b>197.948.929.050</b>	<b>263.582.297.643</b>

\* Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/03/2026	01/01/2026
- Tập Đoàn Dệt May Việt Nam	6.446.687.572	3.699.937.213
- Công ty CP May Hòa Thọ Quảng Nam	-	11.278.019
- Công ty CP May Hòa Thọ Hội An	7.213.307.493	13.601.344.668
- Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	15.023.799.747	11.796.813.717
- Công ty CP Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	16.278.871	-
- Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xây Dựng Hòa Thọ	2.453.350.957	1.947.524.315
- Công ty CP May Hòa Thọ Phú Ninh	929.075.914	2.645.429.145
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.082.500.554</b>	<b>33.702.327.077</b>

**12. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận**

	31/03/2026	01/01/2026
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	2.062.587.600	91.791.140.100
<b>Cộng</b>	<b>2.062.587.600</b>	<b>91.791.140.100</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp nhà nước:

a, Thuế và các khoản phải thu nhà nước:

	01/01/2026	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải trả	Khác	31/03/2026
Thuế thu nhập cá nhân	790.167.703	-	3.256.249.395	(790.167.703)	-	3.256.249.395
<b>Cộng</b>	<b>790.167.703</b>	<b>-</b>	<b>3.256.249.395</b>	<b>(790.167.703)</b>	<b>-</b>	<b>3.256.249.395</b>

b, Thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

	01/01/2026	Số phát sinh	Số thực nộp	Số bù trừ với thuế phải thu	Khác	31/03/2026
Thuế GTGT hàng nội địa	4.506.552.236	25.934.223.992	(14.024.796.647)	(9.518.166.905)	-	6.897.812.676
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	8.809.197.301	(8.809.197.301)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	15.671.348	458.434.932	(474.006.956)	-	-	99.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.585.837.980	8.975.898.467	(17.585.837.980)	-	-	8.975.898.467
Thuế thu nhập cá nhân	2.561.652.800	4.029.287.710	(5.797.659.807)	(790.167.703)	-	3.113.000
Các loại thuế khác	-	189.150.880	(189.150.880)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.669.714.364</b>	<b>48.396.193.282</b>	<b>(46.880.649.571)</b>	<b>(10.308.334.608)</b>	<b>-</b>	<b>15.876.923.467</b>

c, Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ:

	01/01/2026	Số phát sinh	Số đã được hoàn	Bù trừ với thuế GTGT phải trả	Khác	31/03/2026
Thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ	47.441.891.566	53.971.671.331	(14.233.147.998)	(9.518.166.905)	(661.309)	77.661.586.685

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn:

	31/03/2026	01/01/2026
Chi phí trích trước giám sát, thuê, in, wash, bao bì (VP)	1.065.721.025	333.162.519
Chi phí lãi vay	997.760.534	813.058.990
Chi phí thuê đất	3.038.834.670	-
Trích trước chi phí hoa hồng, VC, THC, bảo hiểm (NMS)	1.619.043.626	1.992.066.456
Trích trước chi phí tiền điện, nước, thùng, chi, thực phẩm, hoa hồng (đơn vị may)	3.076.918.862	3.064.195.501
<b>Cộng</b>	<b>9.798.278.717</b>	<b>6.202.483.466</b>

15. Phải trả ngắn hạn khác:

	31/03/2026	01/01/2026
Kinh phí công đoàn	22.933.924.626	21.656.345.514
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	40.000.000
Các khoản chi hộ	697.965.092	306.185.613
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.035.787.933	1.940.614.109
<b>Cộng</b>	<b>26.687.677.651</b>	<b>23.943.145.236</b>

16. Doanh thu chờ phân bổ

\* Ngắn hạn

	31/03/2026	01/01/2026
- Cho thuê mặt bằng	1.071.845.454	-
- Khác	129.536.566	108.886.990
<b>Cộng</b>	<b>1.201.382.020</b>	<b>108.886.990</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

17. Vay và nợ thuê tài chính:

a, Vay ngắn hạn:

	31/03/2026	Phát sinh trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
+ Ngân hàng 1	236.611.477.823	198.430.495.240	233.474.646.506	271.655.629.089
+ Ngân hàng 2	-	-	21.370.036.036	21.370.036.036
+ Ngân hàng 3	592.552.971.995	555.828.035.926	703.335.306.678	740.060.242.747
+ Ngân hàng 4	325.457.815.150	166.443.593.618	3.222.091.031	162.236.312.563
+ Ngân hàng 5	17.696.531.571	-	-	17.696.531.571
+ Ngân hàng 6	-	-	49.999.206.158	49.999.206.158
+ Ngân hàng 7	153.021.429.655	102.825.236.918	-	50.196.192.737
+ Ngân hàng 8	59.493.055.879	59.493.055.879	-	-
+ Ngân hàng 9	<b>1.384.833.282.073</b>	<b>1.083.020.417.581</b>	<b>1.011.401.286.409</b>	<b>1.313.214.150.901</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

b, Vay dài hạn:

	31/03/2026	Phát sinh trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	205.873.502.560	5.867.084.996	6.863.234.454	206.869.652.018
+ Ngân hàng l	100.675.697.920	15.813.687.500	-	84.862.010.420
<b>Cộng</b>	<b>306.549.200.480</b>	<b>21.680.772.496</b>	<b>6.863.234.454</b>	<b>291.731.662.438</b>

c, Khoản vay từ các bên liên quan:

	31/03/2026	Phát sinh trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
<i>Tập Đoàn Dệt May Việt Nam</i>	205.873.502.560	5.867.084.996	6.863.234.454	206.869.652.018
<b>Cộng</b>	<b>205.873.502.560</b>	<b>5.867.084.996</b>	<b>6.863.234.454</b>	<b>206.869.652.018</b>

c, Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng:

	31/03/2026	Phát sinh trong kỳ		01/01/2026
		Tăng	Giảm	
+ Tập đoàn DMVN (Dự án ADB)	7.489.288.271	213.433.444	249.671.475	7.525.526.302
<b>Cộng</b>	<b>7.489.288.271</b>	<b>213.433.444</b>	<b>249.671.475</b>	<b>7.525.526.302</b>

Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, khoản phải thu, hàng tồn kho, và tài sản cố định của Tổng công ty

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu:

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	360.027.080.000	208.385.253.247	283.340.579.817	851.752.913.064
- Lãi trong năm	-	-	305.144.795.981	305.144.795.981
- Phân bổ vào các quỹ	-	41.762.757.975	(41.762.757.975)	-
- Cổ tức	-	-	(90.006.770.000)	(90.006.770.000)
- Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(41.571.093.600)	(41.571.093.600)
Số dư tại ngày 01/01/2026	360.027.080.000	250.148.011.222	415.144.754.223	1.025.319.845.445
- Lãi trong năm	-	-	60.524.559.695	60.524.559.695
Số dư tại ngày 31/03/2026	360.027.080.000	250.148.011.222	475.669.313.918	1.085.844.405.140

b, Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

	31/03/2026	01/01/2026
Vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	222.742.050.000	222.742.050.000
Vốn góp của các đối tượng khác	137.285.030.000	137.285.030.000
<b>Cộng</b>	<b>360.027.080.000</b>	<b>360.027.080.000</b>

C, Cổ phiếu

	31/03/2026	01/01/2026
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu phổ thông	36.002.708	36.002.708
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi:

	Quỹ khen thưởng phúc lợi
Số dư tại ngày 01/01/2026	93.201.017.990
Trích lập trong năm từ lợi nhuận	-
Tăng khác	140.000.000
Giảm trong kỳ	14.699.444.389
Số dư tại ngày 31/03/2026	78.641.573.601

20. Các yếu tố ngoài bảng Báo cáo Tình hình tài chính:

- Ngoại tệ các loại:

	31/03/2026		01/01/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.357.772,28	61.885.586.110	972.174,18	25.353.358.644

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng hóa đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**a, Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
+ Doanh thu bán hàng và gia công hàng may mặc	1.253.542.652.898	1.208.994.652.876
+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	6.453.594.386	6.663.200.657
<b>Cộng</b>	<b>1.259.996.247.284</b>	<b>1.215.657.853.533</b>

**b. Các khoản giảm trừ doanh thu:**

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Hàng bán bị trả lại	15.933.274	37.841.393
<b>Cộng</b>	<b>15.933.274</b>	<b>37.841.393</b>

**2. Giá vốn hàng bán:**

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ gia công hàng dệt may	1.130.049.920.919	1.097.973.608.261
Giá vốn dịch vụ khác	4.467.277.763	4.863.690.845
Trích lập/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(110.604.959)	(1.011.101.462)
<b>Cộng</b>	<b>1.134.406.593.723</b>	<b>1.101.826.197.644</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**3. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, tiền ứng trước	18.655.807.037	5.502.265.797
Chiết khấu thanh toán	1.367.138	2.615.939
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.300.432.495	16.555.561.647
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.826.687.576	-
<b>Cộng</b>	<b>32.784.294.246</b>	<b>22.060.443.383</b>

**4. Chi phí tài chính:**

	<b>Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>
Chi phí lãi tiền vay	20.403.265.603	9.455.255.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.066.178.995	3.069.852.222
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.048.798.307
<b>Cộng</b>	<b>24.469.444.598</b>	<b>13.573.905.930</b>

**5. Chi phí bán hàng:**

	<b>Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026</b>	<b>Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025</b>
Chi phí nhân viên	1.576.971.865	1.264.024.687
Chi phí vật liệu, bao bì	131.506.862	154.132.723
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	9.029.336	24.393.419
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.414.845	193.692.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.039.668.625	11.805.778.463
Chi phí bằng tiền khác	3.675.987.204	3.628.194.920
<b>Cộng</b>	<b>19.443.578.737</b>	<b>17.070.216.343</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Chi phí nhân viên quản lý	21.440.132.814	18.578.889.561
Chi phí đồ dùng văn phòng	699.971.893	725.190.018
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.335.945.729	2.878.551.850
Thuế, phí và lệ phí	5.218.902.600	5.803.797.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.226.386.420	7.461.382.995
Chi phí bằng tiền khác	7.350.488.711	8.561.236.457
<b>Cộng</b>	<b>46.271.828.167</b>	<b>44.009.048.387</b>

7. Thu nhập khác:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	786.995.773	-
Tiền phạt thu được	169.949.538	-
Các khoản thu khác	2.500.651.738	2.742.277.982
<b>Cộng</b>	<b>3.457.597.049</b>	<b>2.742.277.982</b>

8. Chi phí khác:

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Các khoản chi khác	569.728.400	647.811.683
<b>Cộng</b>	<b>569.728.400</b>	<b>647.811.683</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026 (Tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo thông tư số 99/2025/TT-BTC  
 ngày 27/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:**

	Từ 01/01/2026 đến 31/03/2026	Từ 01/01/2025 đến 31/03/2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	599.936.974.500	594.029.972.171
Chi phí nhân công	386.664.821.741	354.158.317.679
Chi phí khấu hao TSCĐ	29.076.440.820	28.875.358.498
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.945.839.908	120.818.180.130
<b>Cộng</b>	<b>1.145.624.076.969</b>	<b>1.097.881.828.478</b>

Đà Nẵng, ngày 23 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Thùy Linh

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Tường Long

